

Bản án số: 72/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 03 - 2026
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Nghĩa;

Ông Lê Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vinh, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Đồng Tháp.

Vào ngày 30 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Đồng Tháp đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 46/2026/TLST-HNGĐ ngày 20/01/2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/03/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị **Mai Thị Thu C**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh N có mặt; Chị Thu C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 22/12/2025 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh và chị Mai Thị Thu C chung sống với nhau vào năm 1995 có tổ chức đám cưới nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn do bận làm ăn. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu sống hạnh phúc. Đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng với nhau về quan điểm sống và từ năm 2025 cả hai đã sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, anh yêu cầu tòa án cho anh được ly hôn với chị Thu C.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị D - sinh ngày 06/02/1997, Nguyễn Minh K - sinh ngày 02/01/2000, hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 02/02/2026 của bị đơn là chị Mai Thị Thu C trình bày: Chị và anh N tự tìm hiểu đến với nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn do bận làm ăn. Về mâu thuẫn vợ chồng do chị nghi ngờ anh N có người phụ nữ khác, cả hai đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay. Nay anh N có đơn yêu cầu xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng thương con.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị D - sinh ngày 06/02/1997, Nguyễn Minh K - sinh ngày 02/01/2000, hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Mai Thị Thu C có đơn đề nghị vắng mặt phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ, phiên hòa giải và xét xử. Hội đồng xét xử, quyết định xét xử vắng mặt chị Mai Thị Thu C theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Mai Thị Thu C chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, nên anh N có đơn yêu cầu ly hôn xin ly hôn với chị Thu C. Tại biên bản hòa giải ngày 10/03/2026 chị Thu C trình bày không đồng ý ly hôn do mâu thuẫn vợ chồng không lớn và chị còn thương chồng thương con. Nhận thấy, cả hai anh chị đã sống ly thân từ năm 2025 và đến nay chị Thu C cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của anh N là có cơ sở. Tuy nhiên do anh chị không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân gia đình, vì vậy cần không công nhận anh chị là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị D - sinh ngày 06/02/1997, Nguyễn Minh K - sinh ngày 02/01/2000, hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Tại biên bản hòa giải, cả hai anh chị thống nhất tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Tại biên bản hòa giải, cả hai anh chị thống nhất không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các vào các khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn N và chị Mai Thị Thu C là vợ chồng.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000774 ngày 14/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy anh N đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 3 - Đồng Tháp;
- THADS Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Phan Minh Trâm